

# CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐẠI PHÁT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐẠI PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI PHAT SERVICE SYNTHETIC AND DEVELOPMENT TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108939765

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2019

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

thôn Chợ Kim, Xã Xuân Nộn, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng lúa                                                                                           | 0111     |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                             | 0112     |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                        | 0113     |
| 4.  | Trồng cây mía                                                                                       | 0114     |
| 5.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                | 0118     |
| 6.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                             | 0119     |
| 7.  | Trồng cây ăn quả                                                                                    | 0121     |
| 8.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                       | 0164     |
| 9.  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                       | 0141     |
| 10. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa                                                 | 0142     |
| 11. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                              | 0144     |
| 12. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                 | 0145     |
| 13. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                   | 0146     |
| 14. | Chăn nuôi khác                                                                                      | 0149     |
| 15. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                       | 0150     |
| 16. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                        | 0161     |
| 17. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                         | 0162     |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4620        |
| 20. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4631        |
| 21. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn phân bón,<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                    | 4669        |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690        |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: bán lẻ, bán buôn thuốc thú y                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4772(Chính) |
| 26. | Hoạt động thú y                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7500        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn thuế, pháp luật, tài chính, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7020        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRINH NAM HẢI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/12/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 063377355

Ngày cấp: 14/11/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Lâm Sắn, Xã Bảo Hà, Huyện Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Chợ Kim, Xã Xuân Nộn, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRINH NAM HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/12/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 063377355

Ngày cấp: 14/11/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Lâm Sắn, Xã Bảo Hà, Huyện Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Chợ Kim, Xã Xuân Nộn, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội